TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/6/2017
V/v "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Hoàng Phúc.
Ông Cao Xuân Lâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 21 tháng 6 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (có mặt).
Địa chỉ: ấp Khánh Lộc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

* *Bị đơn*: Anh Hồ Đức Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt lần 2).
Địa chỉ: ấp Khánh Lộc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Hồ Đức Đ xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/7/2014.

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ có quen biết nhau, xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Sau ngày cưới chị và anh Đ về sống bên gia đình của anh Đ. Thời gian đầu anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc được hơn một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhiều lần như vậy chị có khuyên ngăn bỏ qua, mong anh Đ sửa đổi, nhưng anh Đ không nghe tiếp tục quan hệ tình cảm với người phụ nữ đó. Do bức xúc về hành vi của anh Đ nên ngày 24/4/2016 chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở ấp 5A, xã An Trường, huyện Càng Long sống

cho đến nay. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: chị và anh Đ có một con chung là Hồ Thảo Nguyên, sinh ngày 08/3/2015, chị yêu cầu được quyền nuôi con chung và yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng, cấp cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đối với anh Hồ Đức Đ là bị đơn được Tòa án nhân dân huyện tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện lập biên bản vắng mặt bị đơn và biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với anh Hồ Đức Đ. Về con chung chị T yêu cầu được nuôi cháu Hồ Thảo Nguyên, yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Hồ Đức Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự và yêu cầu của chị T; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật của vụ án này là: Ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

2. Về hôn nhân: Chị T và anh Hồ Đức Đ xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu từ sau khi cưới chị T xác nhận chị với anh Đ chung sống với nhau rất hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do anh Đ quan hệ bất chính với người phụ nữ khác vẫn đến vợ chồng ly thân.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Hồ Đức Đ là có cở sở để Hội đồng xét xử chấp thuận.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ lại với anh Đ.

Nguyên nhân dẫn đến việc đổ vỡ hạnh phúc vợ chồng là do anh Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị có khuyên ngăn nhưng anh Đ đã không nghe tiếp tục quan hệ với người phụ nữ đó. Từ việc không khuyên được anh Đ nên chị T đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh Đ từ tháng 4/2016 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh Đ có đến thăm con, nhưng không hòa giải, hàn gắn, không có thành ý đón rước chị trở lại.

Đối với anh Đ được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, nhưng anh Đ không có văn bản trả lời, không có ý kiến phản bác đơn yêu cầu của chị T, không đến tham dự phiên hoà giải, phiên tòa để trình bày, đề xuất yêu cầu của mình. Trong quan hệ hôn nhân vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng đối với anh Đ, theo chị T trình bày anh không chung thủy, khi chị biết anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã khuyên ngăn nhưng anh không sửa chữa, từ bỏ mà tiếp tục mối quan hệ này. Do anh Đ không đến tham dự phiên tòa, không có ý kiến phản bác đối với lời trình bày của chị T. Căn cứ lời trình bày của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Từ những mâu thuẫn, căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ.

3. Về con chung: chị T và anh Đ có 01 con chung tên là Hồ Thảo Nguyên, sinh ngày 08/3/2015, chị T yêu cầu được nuôi con chung, anh Đ không có ý kiến phản đối hay yêu cầu nuôi con chung, cháu Thảo Nguyên chưa được 36 tháng tuổi nghĩ nên giao cháu Thảo Nguyên cho chị T được quyền nuôi con chung, buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T bằng 1.000.000 đồng/tháng, cấp cho đến khi cháu Thảo Nguyên tròn 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung: chị T khai không có không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 107, và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Hồ Đức Đ.

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hồ Đức Đ.

2. Về con chung: giao con chung tên là Hồ Thảo Nguyên, sinh ngày 08/3/2015 cho chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi con; buộc anh Hồ Đức Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T bằng 1.000.000 đồng/ tháng, cấp cho đến khi cháu Thảo Nguyên tròn 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án. Sau khi ly hôn anh Hồ Đức Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T xác định không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008942 ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Buộc anh Hồ Đức Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKDND huyện Châu Thành;
- CC.THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Văn Hùng